

TẬP QUÁN VÀ NGHI LỄ LIÊN QUAN ĐẾN SINH ĐẼ, CHĂM SÓC MẸ VÀ TRẺ SƠ SINH CỦA NGƯỜI TÀY MƯỜNG Ở HUYỆN CON CUÔNG, TỈNH NGHỆ AN

LÊ HẢI ĐĂNG

1. Đặt vấn đề

Con Cuông là huyện miền núi phía Tây Nam tỉnh Nghệ An với 166.263,67 ha diện tích tự nhiên, phía Nam giáp huyện Anh Sơn, phía Bắc giáp huyện Tương Dương, phía Đông giáp huyện Tân Kỳ và Quỳnh Hợp, phía Tây giáp tỉnh Bulikhamxay (Lào). Ở đây có 4 dân tộc cùng chung sống: Thái, Việt, Thổ và Hoa, trong đó, người Thái đông nhất, chiếm 64,2% dân số toàn huyện. Người Thái ở huyện Con Cuông gồm 3 nhóm địa phương: Tày Mười, Tày Thanh và Tày Mường. Hai nhóm Tày Mười và Tày Thanh tự nhận là Thái Đen (*Tay Đăm*). Trong các nhóm trên, người Tày Mường (còn được gọi là Hàng Tổng) tự nhận là Thái Trắng (*Táy Đón*), có mặt sớm nhất ở vùng đất này (khoảng thế kỉ XIV-XV) (Đại Việt sử ký toàn thư, 1968).

Hiện nay, mới chỉ có một số rất ít các nghiên cứu về người Tày Mường ở tỉnh Nghệ An. Trong đó, có thể nhắc đến một số công trình đáng chú ý như: *Giáo dục con cái trong gia đình truyền thống của người Thái ở miền núi tỉnh Nghệ An* của Nguyễn Doãn Hương (1997); *Hôn nhân và tục lệ cưới xin của người Thái ở miền núi Nghệ An* của Vi Văn An (1996); *Nét đẹp trong đám cưới của người Thái huyện Con Cuông, Nghệ An* của Lương Thị Giang (1999)... Những công

trình này chủ yếu đề cập đến các nghi lễ, tập quán về hôn nhân và gia đình, quan hệ vợ chồng, ứng xử của con dâu, con rể với bố mẹ, anh, chị, em đôi bên... của người Tày Mường và hầu như chưa đề cập đến các tập quán chăm sóc thai phụ và trẻ sơ sinh. Có thể nói, cho đến nay vẫn chưa có công trình nào nghiên cứu sâu về các nghi lễ và tập quán sinh đẻ, chăm sóc con cái của người Tày Mường. Do đó, bài viết này nhằm bổ sung cho phần thiếu hụt vừa kể trên, nhưng tập trung vào nhóm Tày Mường ở huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

2. Tập quán liên quan đến sinh đẻ và chăm sóc trẻ sơ sinh

2.1. Quan niệm về sinh con

Đối với người Tày Mường, mỗi đứa trẻ ra đời là một sự kiện trọng đại không chỉ của một gia đình mà còn là niềm vui của cả dòng họ. Sự ra đời của đứa trẻ, nhất là con trai, đáp ứng mong muốn của họ về việc nối dõi tông đường và tăng thêm số người trong họ tộc. Người Tày Mường quan niệm đông con lắm phúc, nhiều lộc, sinh nhiều con thì sau này già yếu sẽ được các con phụng dưỡng chu đáo; cặp vợ chồng nào không sinh được con thì bị coi là vô phúc, là do kiếp trước ăn ở không tốt hay đã phạm vào điều cấm kỵ nào đó. Quan niệm về việc sinh nhiều con ở người Tày Mường, cũng như ở

đa số các tộc người mưu sinh bằng nông nghiệp truyền thống, còn có nguyên do nhu cầu về sức lao động của mỗi gia đình.

Mặc dù vậy, trong bối cảnh phát triển chung của đất nước và đặc biệt là dưới tác động của công tác giáo dục và tuyên truyền về kế hoạch hóa gia đình đến từng hộ dân, việc sinh con thứ ba của người Tày Mường đã giảm nhiều so với trước đây. Ngoài ra, đời sống được nâng cao, nhu cầu về hưởng thụ, nhu cầu học tập, tham gia công tác xã hội hay nhu cầu phát triển của mỗi cá nhân, kế hoạch của các gia đình cho tương lai... cũng là những nguyên nhân giảm tỷ lệ sinh ở các cộng đồng người Tày Mường. Bước đầu người Tày Mường đã có những thay đổi về ý thức chăm sóc và nuôi dạy con, đặc biệt là đầu tư giáo dục cho con cái.

2.2. *Kiêng kỵ khi mang thai*

Phụ nữ Tày Mường khi mang thai vẫn làm việc bình thường. Họ cho rằng nếu vẫn duy trì các công việc nhẹ nhàng, cơ thể vận động thì sẽ mang lại sự thoải mái về tâm lý; cơ thể mẹ khỏe mạnh thì thai nhi sẽ phát triển đều và dễ đẻ. Tuy nhiên, cần phải tránh các công việc nặng nhọc đòi hỏi nhiều sức lực như gánh, vác... để làm sảy thai. Ngoài ra, thai phụ cũng kiêng không với tay quá cao, không bước qua dây thừng đang buộc trâu vì sợ ngã khi trâu di chuyển, ảnh hưởng đến bào thai. Nếu gia đình có đám tang thì thai phụ không được phép đi đưa ma vì sợ ảnh hưởng đến sức khỏe của thai nhi, thậm chí, sợ đứa trẻ sẽ không sống được sau khi sinh ra.

Theo tập quán của người Tày Mường, khi mang thai, người phụ nữ phải kiêng khem một số thứ nhất định như: không ăn

các món cay để tránh thai nhi bị “nóng”; không ăn thức ăn quá mặn trong nhiều ngày vì sản phụ sẽ dễ bị sưng chân, phù chân; không ăn mắm tôm, mắm tép, mắm chua, dưa muối... vì cho rằng việc đó dễ làm yếu thai nhi, có thể gây ra các bệnh về mắt và thậm chí hỏng thai.

2.3. *Sinh con*

Ngày nay, đa số thai phụ Tày Mường thường đến các cơ sở y tế để sinh con. Tuy vậy, vẫn còn có những gia đình không đưa sản phụ đến trạm xá hay bệnh viện khi đau đẻ. Một phần nguyên nhân là do điều kiện kinh tế của một số gia đình còn khó khăn, không đủ tiền để chi trả cho việc đi lại và sinh nở tại cơ sở y tế. Nghiên cứu ở các nhóm tộc người thiểu số khu vực miền núi tỉnh Quảng Trị cũng cho thấy khó khăn về kinh tế là một trong những nguyên nhân chính làm cho các bà mẹ không đến sinh con tại cơ sở y tế (Save the Children/US & Path, 2001, tr. 43). Nhưng có một phần đáng kể trong nguyên nhân của việc sinh nở tại nhà hiện nay ở người Tày Mường là do tập quán. Thói quen sinh nở tại nhà, bên cạnh những người thân với cảm giác ấm cúng và không gian sống quen thuộc đã khiến họ không muốn đến các cơ sở y tế, nơi có phòng rộng nhưng thường không giữ được hơi ấm và có thể sẽ gặp phải các bác sĩ khó tính hay mắng mỏ khi sản phụ kêu gào lúc đau đẻ. Có trường hợp không phải là không muốn đến cơ sở y tế mà là do sản phụ trở dạ quá nhanh nên đành phải đẻ tại nhà. Đẻ tại nhà không chỉ tồn tại ở người Tày Mường mà còn thấy ở một số tộc người thiểu số và người Kinh ở một số vùng nông thôn nước ta (Nguyễn Văn Chính, 2006, tr. 323).

Theo tập quán của người Tày Mường, thai phụ sắp đến ngày sinh nở được gia đình chuyển xuống nằm ở gian bếp. Việc sinh đẻ được thực hiện trong gian bếp, kiêng đẻ ở nhà trên - nơi có bàn thờ tổ tiên. Bà con giải thích rằng kiêng sinh ở nhà trên vì sợ máu bản làm ô uế linh hồn tổ tiên, sẽ gây ra những điều xấu cho gia đình và làm ăn không may mắn. Sinh cạnh bếp lửa giúp cho người phụ nữ được ấm áp sau khi “vượt cạn”. Nhưng điều quan trọng ở đây chính là quan niệm lửa sẽ xua đuổi những ma quỷ có thể đến làm hại sinh linh bé nhỏ vừa ra đời. Thực ra, trong quá khứ và cả hiện nay, ở nhiều vùng nông thôn, các sản phụ người Kinh cũng không sinh con trong ngôi nhà chính, nơi có bàn thờ tổ tiên. Giống như nhiều nhóm dân tộc khác, người ta tin rằng sinh con trong ngôi nhà chính có thể vấy bản linh hồn tổ tiên. Một nghiên cứu tại Quảng Trị vào tháng 10 năm 2002 cho thấy, tháng đầu tiên sau đẻ, bà mẹ và trẻ sơ sinh không được phép nằm trong ngôi nhà chính mà ở các nhà “lều”, hoặc một gian phụ trong ngôi nhà chính (Nguyễn Văn Chính, 2006, tr. 325).

Khi lâm bồn, thai phụ người Tày Mường sinh con ở tư thế quỳ với sự giúp đỡ của bà mụ vườn, đôi khi có cả mẹ đẻ hoặc mẹ chồng của thai phụ cùng góp sức. Thai phụ thường bám vào một sợi dây thừng được buộc chặt và thả xuống từ xà nhà bếp hoặc ôm cột nhà bếp để làm điểm tựa và rặn đẻ.

Trường hợp khó đẻ, gia đình thường mời thầy mo biết làm phép đến nhà thực hiện ma thuật để cho thai phụ dễ đẻ hơn. Người dân cho biết ma thuật đó được thực hiện như sau: Thầy mo yêu cầu gia chủ

nhóm lửa, lửa càng đỏ càng tốt để thầy cho lưỡi dao vào nung. Khi lưỡi dao nóng đỏ, thầy cúng làm phép bằng hành động cắn vào lưỡi dao, rồi đặt lưỡi dao đó xuống sàn và giẫm chân lên đó cho đến khi chân bốc khói. Xong những nghi thức đó, thầy cầm lưỡi dao lên và quấy vào bát nước, vừa quấy vừa đọc lầm bầm mấy câu thần chú rồi đưa cho thai phụ uống; sau đó, việc sinh đẻ trở nên dễ dàng hơn nhiều. Việc thầy ngậm lưỡi dao đỏ hồng mà không bị bỏng, hay khi giẫm chân lên thấy bốc khói mà bàn chân không bị bỏng hay trầy da, quả thật khó tưởng tượng; chỉ ai có phép thuật cao siêu mới có thể làm được. Ông Lương Văn Kiều (bản Đĩnh, Chi Khê, Con Cuông), một thầy mo cao tay cho biết: không phải ca khó đẻ nào nhờ thầy cũng thành công; với kinh nghiệm của bản thân ông, thì cứ mười lần làm phép, chỉ có thể thành công khoảng bảy lần.

Người Tày Mường còn có một kiểu làm mệo khác trong trường hợp thai phụ khó đẻ: lấy tám lót trong chỗ đồ xôi ra và tháo rời các nan đan, đặt một bát ăn cơm vào đó rồi rót nước vào, sau đó lấy bát nước đó ra cho sản phụ uống mà không cần đun. Người ta quan niệm làm như thế, người đàn bà đó sẽ đẻ nhanh, không phải chịu nhiều đau đớn.

2.4. Chăm sóc trẻ sơ sinh

Khi em bé ra đời, bà đỡ quấn vải quanh người em bé rồi dùng ngón tay trở “móc miếng” - quấn một ít bông sạch vào ngón trở rồi cho vào miệng em bé để lấy chất nhờn ra, sau đó mới lau người và cắt rốn cho bé. Việc lau miệng cho em bé rất quan trọng: để em bé có hơi thở khỏe mạnh, không bị khô khè và có thể giảm nguy cơ mắc các bệnh về đường hô hấp sau này.

Cắt rốn là khâu không thể thiếu trong chăm sóc sức khỏe cho trẻ sơ sinh, vốn được thực hiện ngay sau khi em bé ra đời. Dụng cụ để cắt rốn là một đoạn cột nửa khô, sắc và một sợi dây nhỏ (thường là dây tơ đay hoặc chỉ khâu); cả hai được luộc sôi để sát trùng rồi đặt trên đĩa. Bà mẹ dùng một đoạn dây buộc cuống rốn ở vị trí cách bụng em bé khoảng 1cm rồi lấy một dây khác buộc đoạn gần người mẹ (theo kinh nghiệm của người Tày Mường là để phòng băng huyết ở sản phụ) rồi dùng que nửa cắt đứt cuống rốn. Sau đó, bà đỡ lấy bông lau sạch máu và dùng băng sạch băng kỹ lại vết cắt. Tiếp đó, bà lấy nhau thai (*xỉa tinh nôi*) ra khỏi bụng sản phụ: một tay ấn lên bụng, một tay moi từ trong ra thì mới lấy hết được. Nhau thai phải được lấy hết; nếu sót, sản phụ hay bị sốt và có nguy cơ tử vong.

Các cụ già người Tày Mường cho biết, khi cắt rốn, cần dùng than củi giã nhỏ lót trên mặt bàn kê rồi đặt cuống rốn lên đó mà cắt, sau đó bôi bột than vào vết cắt. Các cụ giải thích rằng, dùng than giã nhỏ lót dưới chỗ cắt vừa để cho em bé khỏi bị đau, vừa có thể cầm máu. Có người còn giải thích rằng, bôi vết đen lên rốn là để làm dấu cho vĩa em bé có thể nhận ra mà trở về trong trường hợp nó hoảng sợ, đã “chạy” đi khi vừa mới lọt khỏi lòng mẹ.

Nhau thai sau khi cắt sẽ được bà nội của đứa trẻ cho vào ống cây mét¹ sau đó

¹ Cây mét là loại cây giống như cây vầu, có nhiều giống. Cây trưởng thành cao chừng 20-30m được trồng nhiều trong rừng ở vùng người Thái ở Tây Thanh Hóa, Nghệ An và Mai Châu - Hòa Bình. Mét còn được dùng để xây dựng nhà cửa, làm bè đánh cá, cầu phao, cột buồm, vật liệu đan lát trong gia đình. Mét còn là nguyên liệu giấy, ván sợi ép thay gỗ, còn măng dùng làm thực phẩm. Mét là mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao.

đem chôn ở phía sau nhà, đúng vào chỗ nước mưa từ mái gianh chảy xuống (*hó hươn*). Chôn như thế để làm mát, để em bé có sức khỏe. Người Tày Mường không chôn nhau thai ở phía trước nhà vì như vậy, theo quan niệm của họ, sẽ có ma về làm hại đứa trẻ. Trẻ em gái và trai đều được thực hiện như nhau và không phân biệt nơi chôn nhau thai đó.

Theo kinh nghiệm của người Tày Mường, khi vừa lọt lòng mẹ, trẻ thường hay bị chứng ngạt thở, dễ dẫn đến tử vong. Nếu em bé vừa sinh ra mà thấy da xanh ngắt từ đầu đến chân thì việc đầu tiên là cầm hai chân của bé dốc ngược lên rồi phết mạnh vào mông; sau đó, tắm nhanh cho bé trong một chậu nước ấm rồi chuyển sang tắm nhanh trong một chậu nước lạnh; cứ lặp đi lặp lại như thế vài lần rồi lại cầm chân em bé dốc ngược lên và phết vào mông cho đến khi bé phát ra tiếng khóc (tức là đẩy bật chất nhầy từ miệng, mũi ra để bé có thể hít không khí vào). Làm như vậy là em bé đã có thể hít vào và thở ra một cách bình thường, đồng thời hệ hô hấp cũng đã hoạt động. Trong khi tắm cho em bé, người ta hết sức cẩn thận không cho nước vào tai để có thể tránh viêm tai. Trường hợp ngạt như thế này thường rơi vào những phụ nữ mang thai lần đầu, bởi việc sinh con so có rất nhiều khó khăn.

2.5. Chăm sóc sản phụ

So với các đối tượng khác trong cộng đồng, cùng với thai phụ và trẻ sơ sinh, sản phụ được đặc biệt quan tâm bởi cơ thể yếu đuối và dễ bị tổn thương. Theo kinh nghiệm dân gian, sản phụ người Tày Mường thường nằm ở trong gian bếp và sưởi lửa hằng ngày. Trong thời gian nằm bếp, sản phụ được

người nhà hái lá *bờ mên*, một loại cây mọc ở hàng rào, đem về hơ trên bếp củi cho thật nóng rồi đắp lên đầu gối và bóp nhiều lần. Sau đó, chuyển sang bóp cổ tay hay cổ chân và những nơi có khớp xương để lưu thông khí huyết vừa để tránh bệnh đau khớp và tê thấp về sau. Ngoài ra, loại lá này còn được những người đang ở cữ hơ nóng rải lên chiếu nằm ngủ vào ban đêm cho giấc ngủ sâu và tăng tuần hoàn máu.

Phụ nữ người Tày Mường sau khi sinh thường uống thuốc lá rừng theo một số bài thuốc dân gian. Một số vị thuốc gồm lá, vỏ, rễ... từ một số loại cây thuốc (hái từ rừng) được gom theo từng bài thuốc phù hợp rồi đem sắc lên cho sản phụ uống hàng ngày. Lá thuốc dành cho sản phụ uống rất đa dạng, gồm nhiều loại khi sắc lên có mùi thơm, dễ uống. Các loại thảo dược, có loại thì dùng lá, có loại dùng vỏ hay dùng rễ của nó tùy theo phương thuốc của gia đình hay của thầy thuốc. Các loại lá, thân, vỏ, rễ đó chặt về phải phơi nắng, phơi sương rồi sau đó mới đun lên lấy nước cho uống.

Trong số các cây thuốc được người Tày Mường thường dùng nhiều hơn cả có lá *hặc mạy cặm bươn*, rễ cây *cọi*, cây *lầu*. Một bài thuốc họ hay dùng là: hái 3 ngọn lá *hặc mạy cặm bươn*, hoặc lấy rễ cây *cọi*, cây *lầu* (một loại cây dây leo có thể vươn dài khoảng 10m), một miếng dạ dày nhím, mấy que nứa² đã loại bỏ phần cật ngoài, tất cả

² Nếu đẻ con trai, người ta lấy que nứa đó gấp 7 đoạn, còn con gái thì gấp 9 đoạn, rồi buộc lại để khỏi bung ra. Sau đó, người ta cho rễ cây *cọi*, rễ cây *lầu* và que tre đó vào cái ống nứa, rồi cho nước vào đun sôi lên, lấy nước đó cho sản phụ uống. Khi cho que nứa đã được gấp như trên vào ống nứa, người ta phải nín thở, sau đó mới cho rễ *cọi* và dạ dày nhím vào, rồi đun lên.

cho vào ống nứa tươi, đổ vào một ít nước rồi đun lên cho đến khi sôi rút ra bát cho sản phụ uống. Bài thuốc này giúp tăng cường sức khỏe và tránh đau bụng cho người mẹ, phòng bệnh đi ngoài ra nước cho bé. Khi gia đình có người mang thai; người nhà đã ý thức chuẩn bị thuốc này. Khi đi rừng, thấy cây *cọi* và cây *lầu*, người ta sẽ đào và chặt lấy phần rễ mang về nhà, rửa sạch phơi khô, cất trên gác bếp để dành. Khi người phụ nữ đau đẻ, một mặt, gia đình cử người đi mời bà đỡ; mặt khác, chia người đi chặt ống nứa hay ống tre để làm bài thuốc này cho sản phụ.

Ông Lương Văn Kiều ở bản Đình là người am hiểu về các vị thuốc dùng cho phụ nữ sau khi sinh đẻ, bởi vậy mỗi khi trong bản có người chuẩn bị sinh người ta thường nhờ ông tìm thuốc và sao chế giúp. Nếu sản phụ sinh con lần đầu thì sau khi uống bài thuốc này, gia đình sản phụ phải chuẩn bị một bài thuốc khác gồm 139 vị. Ông Kiều giải thích rằng bài thuốc nhiều vị như thế có thể phòng được nhiều bệnh về sau cho em bé như đau bụng, sài, đẹn, đờn kê, còi xương... nếu thiếu nhiều vị thì trẻ sơ sinh dễ mắc các loại bệnh trên. Sản phụ đã qua một vài lần sinh nở thì không nhất thiết phải uống đủ 139 vị thuốc đó. Tuy nhiên, nếu có điều kiện thì cũng nên uống đủ vị. Vị thuốc quý và bổ nhất chính là dạ dày nhím thì bất kỳ sản phụ nào cũng nên dùng, bởi có thể phòng tránh nhiều bệnh về đường ruột cho trẻ sơ sinh và tốt cho sức khỏe của bà mẹ. Người Tày Mường giải thích rằng loài nhím sống trong rừng, thức ăn của nó là củ, quả và các loại rễ cây nên dạ dày của nó tích tụ nhiều vị thuốc nam tổng hợp có giá trị cao. Bài thuốc có vị

là dạ dày nhím được sắc và đồ ra 7 cái bát, nhưng chỉ uống sau khi đã hoàn tất các nghi thức cúng và lễ bốc vía. Nước thuốc này còn được dùng để tắm cho em bé để phòng ngứa, ghẻ, mụn nhọt... Uống thuốc này giúp cho sản phụ ăn khỏe, ngon miệng và tăng nguồn dinh dưỡng sữa mẹ. Đối với sản phụ sinh con lần đầu, việc chăm sóc là rất quan trọng bởi vì sau khi sinh, họ gần như thay máu, thay da; nếu được uống thang thuốc đủ vị sẽ có sức khỏe tốt, da dẻ hồng hào và đặc biệt sẽ không mắc bệnh hậu sản. Ngoài ra, nếu tìm được các loại cây như *cơ num*, *cơ păn*, dây *nóng mét*, sa nhân... thì nước sắc thuốc sẽ có các vị ngọt, đắng, mặn, chua... Theo người dân ở đây, những phụ nữ mới sinh con, sau khi uống bài thuốc nam truyền thống đó thì ngay sáng hôm sau có thể ra sông suối giặt tã lót.

Bên cạnh việc sử dụng thuốc nam, sau khi sinh, sản phụ cũng duy trì một số chế độ kiêng kỵ trong ăn uống: kiêng ăn thịt chó, thịt trâu, thịt bò, cá chép, cóc, gà trắng, lươn, chạch... vì sợ bị đau khớp; kiêng ăn mỡ, đồ chua, rau cải, mướp (hoa vàng độc mà chỉ ăn loại có hoa màu trắng)... vì cho rằng trẻ bú sữa của người mẹ ăn các thức ăn đó sẽ dễ bị đau bụng và tiêu chảy; kiêng ăn thịt chó, thịt nhái vì đậm nhiều, trẻ dễ bị sốt và co giật. Họ cũng kiêng uống các loại thuốc tây vì sợ ảnh hưởng đến sự phát triển của đứa trẻ đang trong thời kỳ bú mẹ. Các đồ ăn của sản phụ đều phải được nấu chín. Người Tày Mường cho rằng nếu không kiêng, sau này sản phụ sẽ dễ mắc nhiều bệnh, kể cả bệnh phong. Thời gian ăn kiêng của phụ nữ Tày Mường thường kéo dài trong khoảng một năm.

3. Các nghi lễ liên quan đến sinh đẻ và nuôi con

3.1. Lễ ra bếp (*oóc khọ*)

Ở người Tày Mường, sản phụ sinh em bé phải ngủ ở gian bếp đến hết tháng, nhưng không được kéo dài sang tháng khác. Dù sinh đầu tháng hay cuối tháng thì đến ngày cuối cùng trong tháng cũng bắt buộc phải chuyển lên nhà trên. Thông thường, nếu có đủ thời gian thì người ta thường ở cũ trong bếp khoảng 7 ngày, sau đó gia đình chọn ngày tốt để ra cũ. Khi ra cũ, người ta thường tổ chức lễ cúng mừng sự hiện diện của thành viên mới trong gia đình và làm lễ bốc vía, cầu sức khỏe cho em bé hay ăn chóng lớn. Lễ này gọi là lễ ra bếp (*oóc khọ*). Tùy điều kiện kinh tế của từng gia đình mà người ta tổ chức lễ cúng to hay nhỏ. Những gia đình có tiền thì người ta mổ lợn, thậm chí mổ bò, còn những gia đình khó khăn thì chỉ cần cúng gà là được.

Trong lễ ra bếp (*oóc khọ*), người ta chặt hai cành dâu tầm càng dài càng tốt để làm thang 7 bậc dựng từ dưới sàn nhà lên đến chỗ em bé nằm. Nếu cành dâu ngắn quá, thì dùng que tre để nối vào. Sau đó lấy một đoạn dây chỉ dài, một đầu buộc vào cổ tay em bé, đầu kia thông xuống cái hố nhỏ đào sẵn dưới đất (hố này được gọi là hố vía). Ngoài hố vía còn có hai hố khác ngay cạnh chân thang bằng cành dâu. Cả ba hố nhỏ này đều được phủ kín bằng những chiếc lá. Đồ cúng trong nghi lễ này gồm có: gà, rượu, thịt lợn và trà cau. Gia đình sản phụ phải mời thầy cúng về làm lễ và mời bà con họ hàng về chứng kiến, mừng cho cháu bé mới ra đời.

3.2. Lễ bốc vía (ét vắn)

Sau khi làm lễ ra khỏi bếp, thầy mo tiếp tục thực hiện nghi lễ khác, đó là lễ bốc vía cho cả bà mẹ và em bé (ét vắn) để cầu sức khỏe và may mắn. Nghi lễ này được thực hiện ngay trong buồng ngủ của sản phụ. Đồ lễ để bốc vía gồm 2 đĩa xôi, 5 miếng trù, 2 chén rượu, 1 bát nước, 5 đôi đũa, 2 trứng gà luộc để trên mâm. Cúng xong, người ta lấy thịt gà và trứng gà chấm vào miệng cho đứa trẻ.

Sau khi bốc vía, người ta thường làm lễ đặt tên cho cháu bé. Nghi lễ diễn ra rất thân mật và ấm cúng tại nhà nội; nhưng sự hiện diện của ông bà ngoại và ông bà舅 là hết sức cần thiết. Thiếu họ, nghi lễ sẽ không được thực hiện, vì chính họ là những người quyết định cái tên sẽ đặt cho đứa trẻ. Gia đình bên nội chuẩn bị mâm lễ gồm có 2 chai rượu, 1 đĩa trầu cau để xin ông bà ngoại hoặc ông bà舅 đặt tên cho cháu. Anh em họ hàng đến chúc mừng gia đình và em bé bằng cách cho tiền để vào đĩa trên mâm.

Mỗi khi cháu bé bị đau ốm, gia đình phải nhờ thầy mo đến cúng và làm vía. Bé lớn hơn 3 tuổi thì lễ bốc vía không dùng trứng nữa mà dùng 2 con cá cùng 2 đĩa xôi, 5 miếng trầu, 2 chén rượu, 1 bát nước, 5 đôi đũa. Đồ lễ này cũng thể hiện bước chuyển của em bé sang lứa tuổi khác, từ cúng trứng sang đồ cúng thực thể sống, đó là con cá.

3.3. Lễ cúng ma làm hại (phi lương)

Nếu trẻ nhỏ không chịu bú, thường khóc và trợn mắt thì gia đình phải xem bói để biết nguyên nhân, sau đó, thường là mời thầy làm lễ cúng ma làm hại (phi lương). Đồ lễ để cúng phi lương là cả con chó còn sống hoặc gà (nếu không có cả con chó thì có thể

lấy đủ 4 cái chân chó làm đồ cúng). Trong lễ này, người ta lấy lá chuối rải lên cái nia, sau đó bày lên 9 miếng da chó và 9 vắt com (3 vắt nhuộm đỏ bằng nước nhai trầu, 3 vắt nhuộm đen bằng nước than bếp và 3 vắt com trắng), bày hai tấm vải trắng (loại vải người Thái tự dệt) trên đó để một nén bạc để xin hồn vía.

Lễ cúng phi lương ở người Tày Mường luôn được thực hiện ở ngoài trời, gần cổng ra vào của ngôi nhà, nơi có không gian rộng rãi. Theo quan niệm của họ, phi lương là loại ma hay đi ngoài đường chứ không ở trong nhà và thường đi vào những cung giờ cố định, do vậy, lễ cúng phải làm ngoài trời và đúng vào giờ phi lương đi tuần qua nơi làm lễ. Theo ông Kiều, đoàn phi lương gồm có bốn thành viên: 1 cặp vợ chồng và 2 đứa con, thường đi tuần vào lúc 6 giờ chiều đến 11 giờ đêm; hôm sau đi từ lúc 4 giờ sáng cho đến 1 giờ chiều³. Trường hợp trẻ sinh trùng giờ đi tuần của phi lương thì phải làm lễ giải hạn với đồ cúng là: thịt chó nếu đụng phải phi lương cha; thịt vịt nếu đụng phải phi lương mẹ, phi lương con dâu; thịt gà hoặc con lợn sữa nếu đụng phải phi lương con trai.

3.4. Lễ giải hạn (xên xai hạn)

Theo quan niệm của người Tày Mường, những bé sinh vào các giờ, ngày, tháng, năm xung khắc với cha hoặc mẹ thì

³ Ông Kiều cho biết, cũng vì muốn tránh phi lương nên người Thái thường đưa dâu vào lúc 1 giờ sáng, bởi vì lúc này đoàn phi lương đã đi tuần qua rồi. Nếu đi đưa dâu muộn hơn giờ đó một tiếng thì đôi khi vẫn gặp phi lương con dâu; nhưng trường hợp này là rất hiếm và chỉ cần một con gà làm đồ cúng là được. Thời khắc để gặp phi lương nhất là vào lúc năm giờ sáng. Nếu đón dâu vào ban ngày hoặc vào những giờ khác thì để đụng phải phi lương và cô dâu đó sẽ gặp nhiều điềm gở.

phải làm lễ bán (*xên chai lực*) hoặc lễ giải hạn (*xên xai hạn*). Do xung khắc về tuổi, đứa trẻ sẽ khó nuôi, thậm chí được con thì mất cha, được cha thì mất con. Nếu đi xem số, thầy bói nói rằng tuy là bé trai nhưng tuổi của bé trai này chỉ ở được với bên ngoại và phải bán cho bên ngoại thì gia đình phải làm lễ bán. Khi làm lễ bán đứa trẻ, gia đình chuẩn bị hai con gà, một bộ quần áo; chọn ngày tốt đưa sang bên ông bà ngoại để cúng bán. Lời khấn trong lễ cúng nêu rõ tuổi bé xung khắc với cha mẹ nên xin tổ tiên cho bán và để ông bà ngoại mua: “*Đề con ra là có cha, có mẹ, có ông bà tổ tiên, nhưng lại không có sữa. Con có đôi gà cho ông bà làm thịt để cúng báo tổ tiên, ông bà tổ tiên bây giờ định thế nào, định bán đứa trẻ cho ai? Bán thì để ông bà ngoại mua lại*”.

Cúng xong, ông bà ngoại lấy sợi chỉ đen buộc vào cổ tay cháu bé để giữ vía cháu khỏe mạnh. Đêm hôm làm lễ cúng bán, người mẹ và em bé ngủ lại nhà ông bà ngoại để hôm sau tiếp tục thực hiện nghi lễ khác.

Sáng sớm hôm sau, người mẹ dậy thật sớm và lặn lễ về nhà riêng của mình để lại đứa trẻ cho ông bà ngoại. Sau đó, bà ngoại chuẩn bị một nén bạc, hai cái vá và bế đứa trẻ đến nhà bố mẹ đẻ của nó để làm lễ giải hạn. Đến nơi, bà đặt đồ lễ lên mâm cúng rồi nói với mẹ đứa bé: “*Đêm nay ta có được một đứa con, nhưng không có sữa cho nó bú thì làm sao nó lớn được. Bây giờ mi có sữa thì ta có bạc, có vá đây. Cho con ta ăn sữa, uống sữa để cho nó lớn, ta sẽ cho bạc, cho vá. Mi nuôi con cho ta, sau này nó lớn, ta sẽ cho thêm tiền*”. Nói xong, bà trao đứa trẻ cho mẹ nó, và lễ giải hạn đến đây kết thúc.

Có trường hợp gia đình làm lễ giải hạn cho đứa trẻ bởi đó là con cầu tự: khi lời thỉnh cầu xin sinh con của cặp vợ chồng được *Then* nghe thấy và ban cho một sinh mạng. Theo quan niệm của người Tày Mường, người vợ có thai rồi sinh ra một bé trai; nhưng sinh mạng được cử xuống đó sau khi hoàn thành sứ mệnh lại không biết đường trở về với *Then* và ở lại chơi với người bạn mới ra đời. Thỉnh thoảng, sinh mạng do *Then* cử xuống trêu chọc và quấy phá miếng ăn, giấc ngủ nên đứa trẻ khó ở, hay khóc. Trong trường hợp này, gia đình phải làm lễ giải hạn cho đứa bé mạnh khỏe.

Để cúng giải hạn, gia đình chuẩn bị một cái thuyền bằng cây nứa được bỗ làm đôi, một miếng trà, một miếng cau, ba quả cà rừng, ba quả cà nhà, một quả trứng, một bát xôi hay một bát cơm tẻ và một cái roi dâu. Mục đích của nghi lễ này là đuổi được linh hồn do *Then* cử xuống ra khỏi cơ thể đứa trẻ để trở về với Mường *Then*. Lễ này được thầy mo thực hiện trong nhà. Thầy mo dùng ma thuật mời người bạn đó lên thuyền, nếu không được thì phải dùng roi dâu xua đuổi, sau đó thầy mo đưa cái thuyền đó ra thả trôi theo dòng suối. Khi cúng tống tiễn, thầy cúng chỉ đường cho linh hồn đó biết để đi về mừng trời, và cái thuyền chính là phương tiện để nó ra đi.

Đối với lễ cúng giải này, không phải thầy cúng nào cũng cúng được mà phải người thầy cao tay, thậm chí phải sử dụng đến ma thuật nếu không thì linh hồn đó không sợ và như vậy sẽ không tống tiễn được nó. Ma thuật mà người thầy cúng này sử dụng là lừa và nước - hai hành xung nhau trong ngũ hành: lấy thủy để khắc chế hỏa,

lấy hỏa để thiêu cháy linh hồn đi theo đó và lấy thủy để tái sinh.

Có nhiều người nghe tiếng ông mo Kiều (xã Chi Khê, huyện Con Cuông) có thể cúng giải được hạn đó nên đã đến nhờ, không chỉ các gia đình người Thái ở các bản lân cận mà thậm chí có những gia đình ở cả huyện khác đến mời ông đi cúng; đôi khi còn có cả một số gia đình người Kinh cũng nhờ ông giải hạn.

4. Nhận xét

1. Quan niệm truyền thống của người Tày Mường về việc sinh con không mấy thay đổi: đông con lắm phúc, nhiều lộc, sinh nhiều con thì sau này già yếu sẽ được các con phụng dưỡng chu đáo. Sự ra đời của mỗi đứa trẻ là một sự kiện trọng đại của gia đình và cả họ; đứa trẻ ra đời, nhất là con trai, đáp ứng mong muốn nối dõi tông đường và nhu cầu về sức lao động của gia đình.

2. Các nghi lễ và quan niệm truyền thống liên quan đến sinh đẻ như *lễ ra bếp, lễ bóc vía* hay các *nghi lễ giải hạn, lễ bán...* vẫn được thực hành và có ảnh hưởng lớn trong đời sống tinh thần của người Tày Mường cũng như cộng đồng người Thái ở huyện Con Cuông.

3. Tập quán sinh đẻ tại nhà, trong gian bếp với sự hỗ trợ của bà đỡ vườn, với quan niệm ánh lửa hồng sẽ xua đuổi tà khí và mang lại may mắn cho đứa trẻ, vẫn còn được duy trì trong đời sống hàng ngày của người Tày Mường. Tuy nhiên, ngày càng nhiều thai phụ đến khám và sinh con tại cơ sở y tế của Nhà nước. Phần lớn phụ nữ được hỏi cho rằng nên đến sinh con tại cơ sở y tế, còn việc sinh con tại nhà là do khó khăn về kinh

tế của gia đình, đường xá xa xôi khi đi đến bệnh viện và một vài lý do bất khả kháng. Điều đó nói lên rằng quan niệm của người Tày Mường đã có thay đổi, song điều kiện khách quan là yếu tố góp phần quan trọng duy trì tập quán này.

4. Trong tập quán chăm sóc sản phụ và trẻ sơ sinh theo truyền thống của người Tày Mường, việc sử dụng các bài thuốc nam theo kinh nghiệm dân gian có hiệu quả cao, giúp hồi phục nhanh chóng sức khỏe của sản phụ. Tri thức địa phương về chế biến và sử dụng cây thuốc nam trong cộng đồng, vì vậy cần được khuyến khích duy trì và bảo tồn.

Tài liệu tham khảo

1. Vi Văn An (2006), “Tập quán trong sinh đẻ, chăm sóc và nuôi dạy con cái của dân tộc Nùng”, *Kỷ yếu hội nghị thông báo Dân tộc học*.
2. Nguyễn Văn Chính (2006), “Tập quán chăm sóc trẻ sơ sinh tại gia đình và cộng đồng ở nông thôn Việt Nam”, *Kỷ yếu hội nghị thông báo Dân tộc học*.
3. Đại Việt sử ký toàn thư (1968), Tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lương Thị Giang (1999), *Nét đẹp trong đám cưới của người Thái huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An*, Khóa luận tốt nghiệp.
5. Nguyễn Doãn Hương (1998), “Làm vía - một tục lệ truyền thống của người Thái ở Nghệ An”, trong: *Văn hóa và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.
6. Save the Children/US (2001), *Pakoh Child Rearing Study: Dakrong District, Quang Tri province, Vietnam*, Hanoi.